

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tiếp diễn đà tăng theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, SZL

[Cập nhật công ty]

MWG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn và linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự

25/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,288.88	+0.92
VN30	1,311.55	+1.17
HĐTL VN30F1M	1,303.00	+1.38
HNXIndex	301.86	+0.19
HNX30	552.72	-0.16
UPCoM	93.59	+0.31
USD/VND	23,428	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.53	-0
Lãi suất qua đêm (%)	3.58	+25
Dầu (WTI, \$)	94.99	+0.11
Vàng (LME, \$)	1,764.41	+0.75



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,288.88 (+0.92%)
KLGD (triệu CP) 624.0 (+26.3%)
GTGD (triệu US\$) 660.8 (+2.0%)

HNXIndex 301.86 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 84.8 (+14.8%)
GTGD (triệu US\$) 74.8 (+2.0%)

UPCoM 93.59 (+0.31%)
KLGD (triệu CP) 41.5 (-10.4%)
GTGD (triệu US\$) 32.5 (-19.8%)

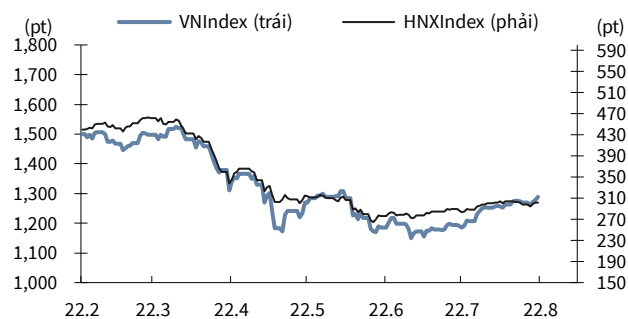
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.2

VTCK Việt Nam tăng điểm tích cực với thanh khoản tăng trước sự dẫn dắt của nhóm bất động sản, hàng hóa cơ bản và ngân hàng. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở VNM (+0.3%), MSN (+0.8%), CTG (+1.8%).

Savills cho biết thị trường bất động sản có nhiều biến động nhưng tỷ suất lợi nhuận bất động sản liền thổ có mức độ tăng cao, dao động 20 - 25% mỗi năm, theo đó cổ phiếu nhóm bất động sản tăng tích cực ở VHM (+2.2%) và NLG (+0.9%).

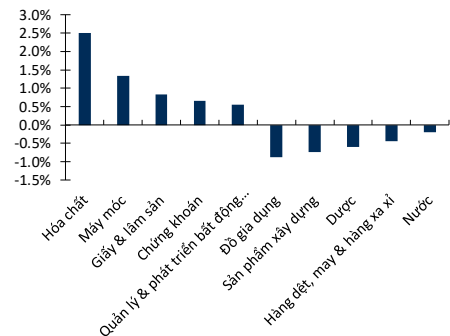
Giá thép châu Á tăng nhẹ sau khi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) ngày 22/8 tiếp tục cắt giảm lãi suất và thúc giục các ngân hàng thương mại hỗ trợ tín dụng nhằm sớm bình ổn thị trường bất động sản, theo đó cổ phiếu ngành thép tăng ở HPG (+1.5%), NKG (+2.5%)

VNIndex & HNXIndex



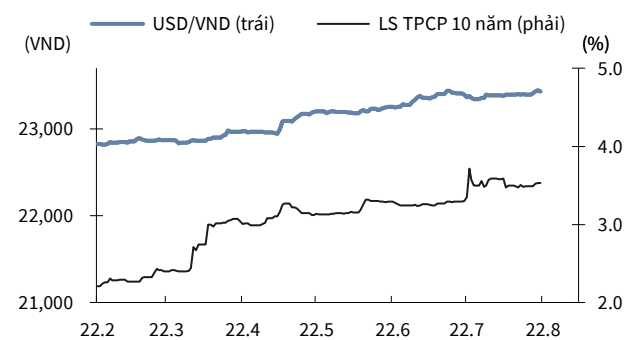
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



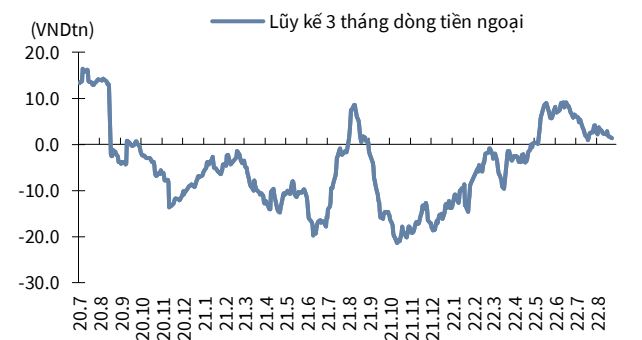
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

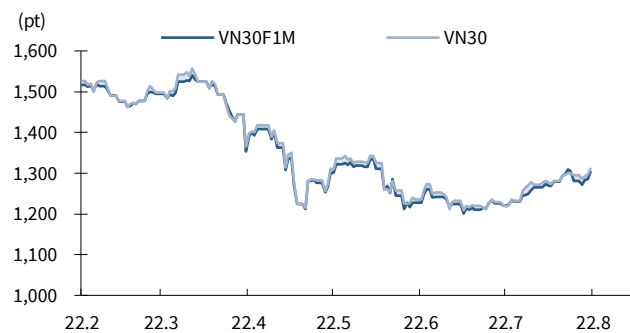
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,311.55 (+1.17%)
VN30F1M	1,303.0 (+1.38%)
Mở cửa	1,287.0
Cao nhất	1,304.3
Thấp nhất	1,286.9

Các HĐTL tiếp diễn đà tăng theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 biến động mạnh phiên hôm nay trong khoảng -5.29 đến -15.15 điểm và đóng cửa ở mức -8.55 điểm cho thấy tâm lý vẫn khá thận trọng của bên mua trước đà tăng của thị trường. Khối ngưng giao dịch tiếp tục đi ngang.

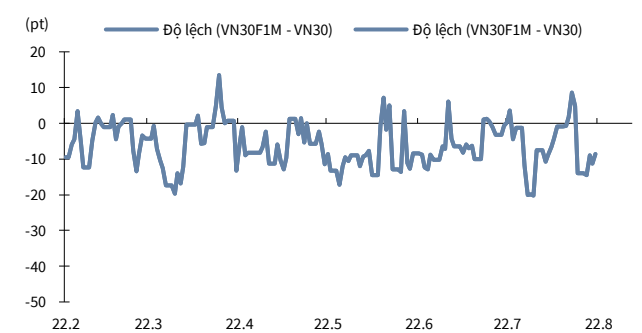
KLGD (HĐ)	186,762 (-1.3%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



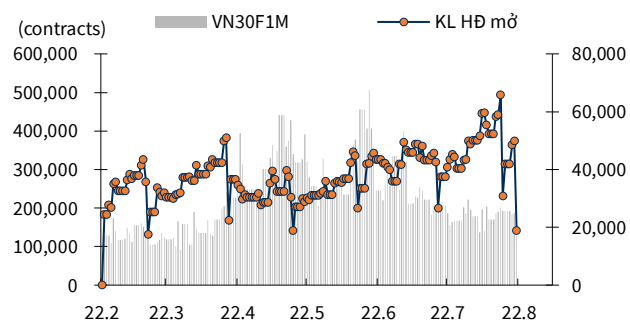
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



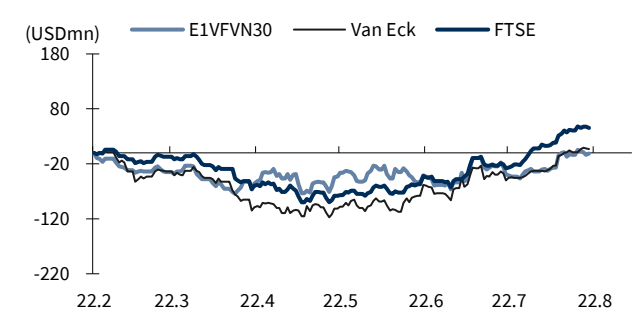
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

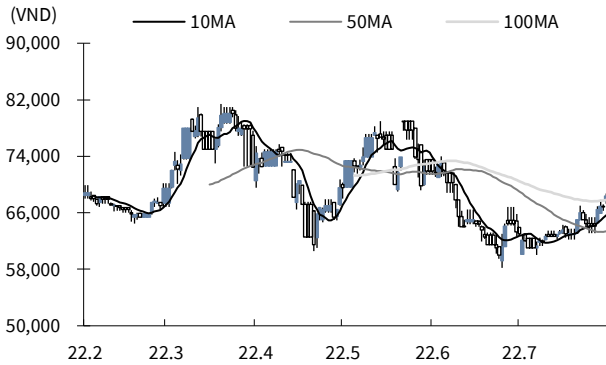
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

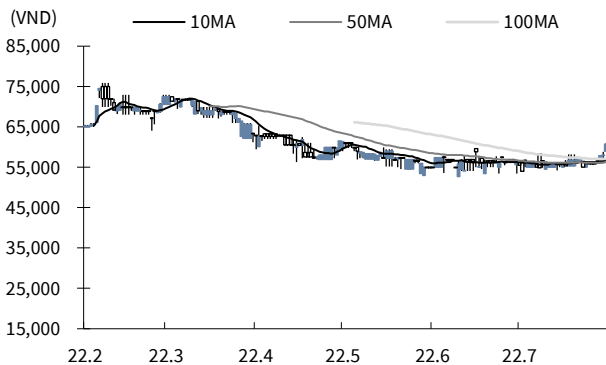
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 2.4% lên 68,400 VND/cp
- Đầu tư Thế giới Di động cho biết đã thuê tư vấn để bán 20% cổ phần chuỗi Bách Hóa Xanh vào quý I/2023, định giá 1.5 tỷ USD.
- MWG đã đóng tổng cộng 400 cửa hàng Bách Hóa Xanh so với đầu năm và hoàn tất việc thay đổi layout mới cho gần như toàn bộ các cửa hàng hiện hữu. Cuối tháng 7, công ty có 1,735 cửa hàng Bách Hóa Xanh, doanh thu bình quân 1 cửa hàng đạt khoảng 1.3 tỷ đồng.

Công ty CTCP Sonadezi Long Thành (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SZL tăng 4.83% lên 60,800 VND/cp
- Sonadezi Long Thành thông qua việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 4,000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 13/9, thời gian thanh toán từ ngày 30/9. Với 20 triệu cổ phiếu đang niêm yết, Sonadezi Long Thành sẽ chi khoảng 80 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

25/08/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
(+84) 33-4936-057 linhpp@kbsec.com.vn

KQKD 2Q2022 vẫn duy trì được đà tăng trưởng

Vừa qua, chúng tôi đã tham gia buổi họp với các chuyên viên phân tích do MWG tổ chức, công bố KQKD 6T/2022 và cập nhật sơ bộ KQKD tháng 7/2022. Lũy kế 6 tháng đầu năm, MWG ghi nhận doanh thu thuần đạt 70,804 tỷ đồng (+13% YoY), LNST đạt 2,576 tỷ đồng (+1% YoY). Theo đó, công ty đã hoàn thành 51% kế hoạch doanh thu và 41% kế hoạch LNST mà ĐHCĐ đặt ra, và hoàn thành lần lượt 49% và 40% so với mức dự phóng của chúng tôi.

Triển vọng của TGDD/ĐMX sẽ tích cực hơn trong nửa cuối năm 2022

Tăng trưởng doanh thu 6 tháng cuối năm của mảng ICT&CE sẽ lớn hơn so với 6 tháng đầu năm trên nền thấp của năm 2021. Ngoài ra, động lực tăng trưởng doanh thu còn đến từ: (1) sản phẩm iPhone 14 chuẩn bị ra mắt trên thị trường, và (2) mùa World Cup đang đến gần và Tết Nguyên Đán sẽ đến sớm hơn trong tháng 1/2023.

Quá trình tái cấu trúc của BHX cho thấy những tín hiệu tích cực, mô hình mới sẽ được mở rộng trong các năm tới

Chiến lược mới của BHX có những tín hiệu tích cực khi doanh thu trung bình hàng tháng của mỗi cửa hàng trong tháng 7/2022 đạt 1.3 tỷ đồng (+30% so với đầu năm). Công ty sẽ hoàn tất quá trình tái cấu trúc trong tháng 8 này và sẽ vận hành các cửa hàng theo mô hình mới để chuẩn bị nhân rộng BHX ra phạm vi các tỉnh thành khác.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 84,912 VNĐ/cp

Chúng tôi thay đổi dự phóng KQKD năm 2022 sau khi điều chỉnh giảm chuỗi BHX và bổ sung chuỗi An Khang vào mô hình định giá. Năm 2022, doanh thu thuần của MWG đạt 145,184 tỷ đồng và LNST đạt 6,377 tỷ đồng. Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG, giá mục tiêu 84,912 VNĐ/cp, cao hơn 27.1% giá đóng cửa ngày 24/08/2022.

MUA

Giá mục tiêu VND84,9

Tăng/giảm (%)	27.
Giá hiện tại (24/08/2022)	66,4
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/triệu USD)	97.7/4,1

Dữ liệu giao dịch

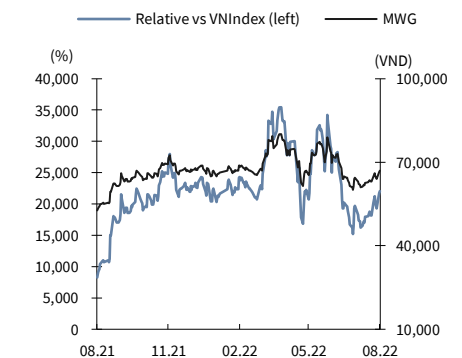
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	70%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	264.7/11.3
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.48%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8	-13	-1	27
Tương đối	18	-3	6	19

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	109,801	124,142	145,184	163,916
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	5,413	6,445	8,419	10,051
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	3,920	4,901	6,377	7,612
EPS (nghìn VNĐ)	8,656	6,875	4,357	5,200
Tăng trưởng EPS (%)	0%	-21%	-37%	19%
P/E (x)	13.7	19.8	15.3	12.8
P/B (x)	3.4	3.0	4.5	1.7
ROE (%)	25%	24%	29%	27%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	5%	5%	15%

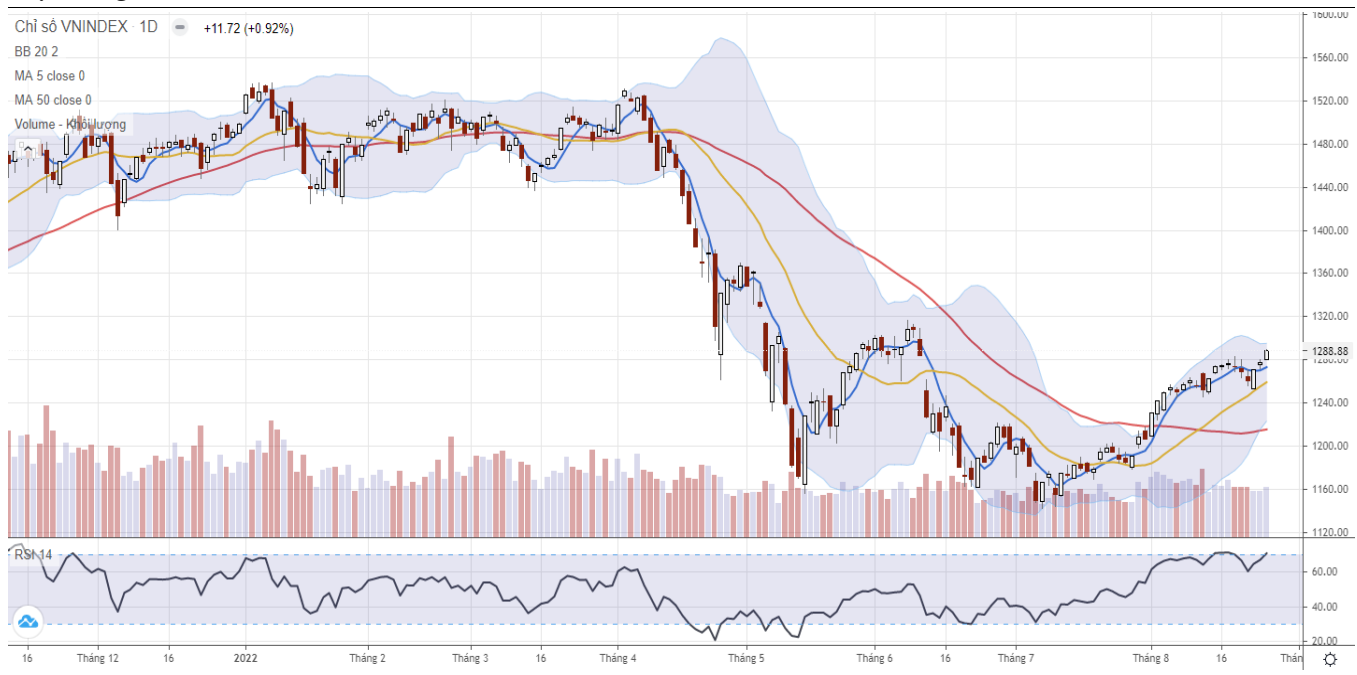


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

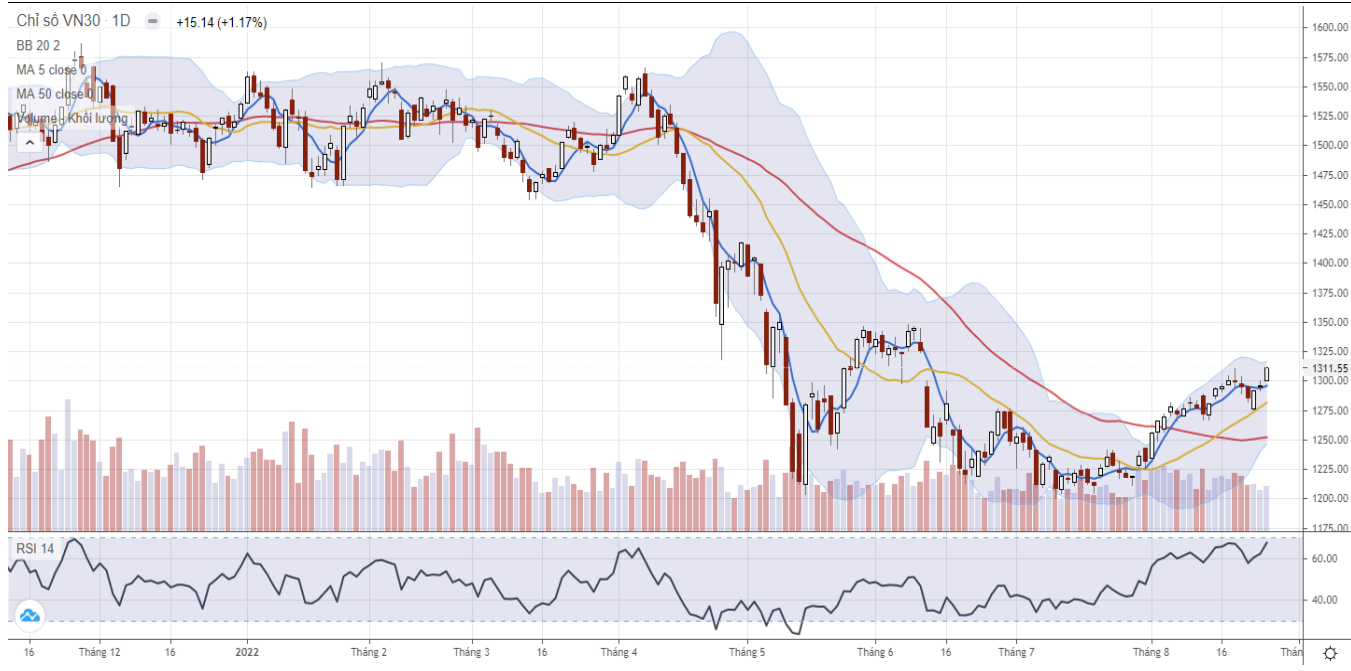
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



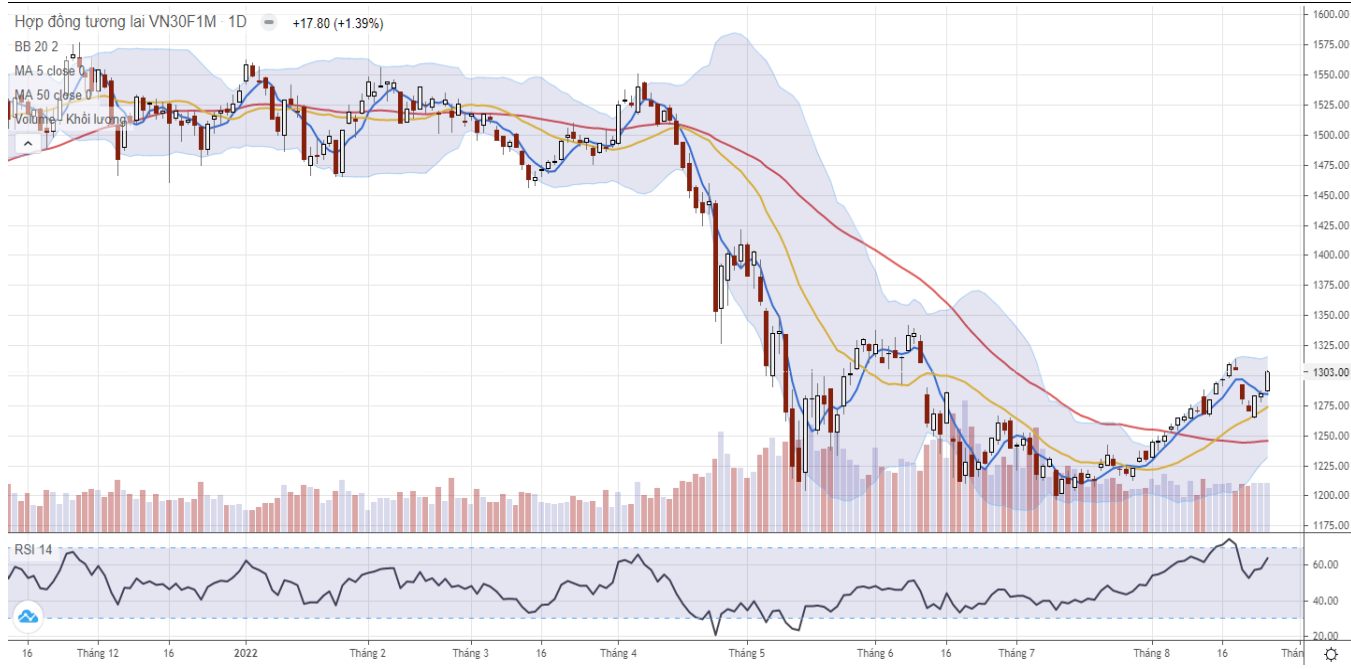
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp trước khi thiết lập các nhịp tăng gổ đầu đến cuối phiên
- Thanh khoản cải thiện tích cực cùng dòng tiền lan toả đến một vài nhóm ngành có vốn hoá lớn đã giúp cho chỉ số có một phiên chồm phá ngưỡng cản gần quanh 128x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại quanh 1300.
- NĐT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn và linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1318 - 1323

Kháng cự gần: 1311 - 1315

Hỗ trợ gần: 1288 - 1290

Hỗ trợ xa: 1280 - 1283

- F1 tăng điểm giảm cơ trong biên độ hẹp trước khi thiết lập các nhịp tăng gối đầu đến cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực đã giúp cho chỉ số bật tăng mạnh mẽ về cuối phiên và chớm phá ngưỡng cản gần quanh 130x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, F1 đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại quanh 1320.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

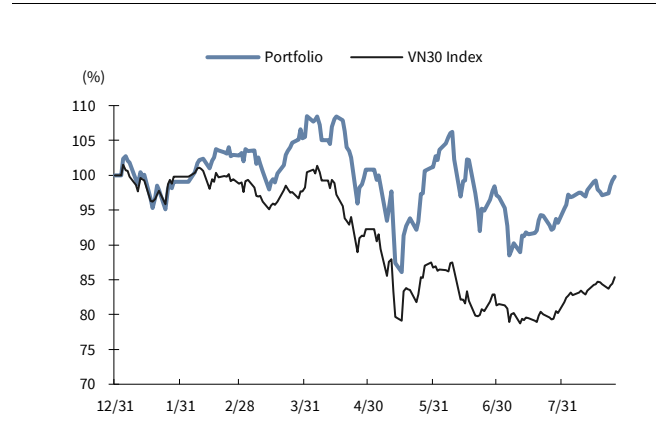
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.17%	0.60%
Tăng lũy kế (YTD)	-14.60%	-0.18%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	68,400	2.4%	77.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	26,000	0.0%	-8.8%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,600	-0.5%	52.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	187,500	-0.3%	-2.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	85,200	0.2%	188.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,300	0.1%	255.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,700	1.8%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	116,500	-0.7%	58.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,850	1.5%	114.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,800	1.5%	267.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.3%	54.7%	76.0
MSN	0.8%	28.8%	61.4
CTG	1.8%	26.9%	31.9
SHB	1.9%	4.2%	29.6
PVD	-1.4%	7.1%	27.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PHR	0.0%	13.6%	-43.8
NVL	0.8%	5.8%	-51.8
VGC	-1.7%	5.5%	-4.5
BVH	0.2%	26.6%	-12.9
TLG	1.6%	21.8%	-10.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.4%	4.6%	1.1
PVG	3.4%	2.0%	0.6
VCS	1.7%	2.9%	0.3
TVC	6.4%	0.3%	0.2
IDC	-1.8%	0.2%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-2.1%	8.7%	-2.7
PVI	0.4%	58.6%	-1.3
SD5	-1.0%	4.9%	-1.1
KLF	-3.1%	0.5%	-0.2
PVS	-1.4%	9.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	6.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	5.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Phụ tùng oto	5.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Thiết bị điện	4.1%	GEX, SAM, CAV, RAL
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	3.5%	PLX, PGC, CNG, GSP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.5%	TNH, JVC, VMD
Đồ uống	-2.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Công nghệ	-2.7%	FPT, CMG, ELC
Kim loại & khai thác	-1.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Giấy & lâm sản	-1.5%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	22.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	17.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Xây dựng và kỹ thuật	13.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Cung cấp và dịch vụ thương mại	13.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Đồ uống	12.8%	SAB, BHN, SMB, SCD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.0%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	-5.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Giấy & lâm sản	-3.9%	DHC, HAP, HHP, VID
Hàng hải	-2.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Đồ gia dụng	-1.5%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	79,615 (3.4)	22.5	274.6	106.5	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	1.5	-3.2	-2.1	-30.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	133,078 (5.7)	26.6	8.5	7.1	35.9	21.6	21.6	1.7	1.5	2.2	-0.2	3.6	-25.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	46,052 (2.0)	17.8	28.8	18.8	-7.6	7.2	10.3	2.1	1.9	2.1	-1.4	11.0	-3.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	235,000 (10.0)	31.3	29.9	23.6	6.7	15.1	16.4	4.1	3.5	0.8	0.6	13.4	-8.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	34,402 (1.5)	11.6	19.5	17.1	13.7	12.8	15.9	2.2	2.0	1.2	-2.8	5.2	-17.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	265,013 (11.3)	13.9	15.9	16.6	-	12.9	10.6	1.7	1.7	-0.7	-1.7	28.5	-19.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	89,962 (3.8)	6.3	14.6	11.8	11.7	21.5	22.5	2.8	2.3	0.0	0.6	12.5	4.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	68,136 (2.9)	12.7	15.0	11.7	-5.3	16.3	17.8	2.0	1.7	0.0	-0.8	11.0	5.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	163,509 (7.0)	0.0	6.4	5.5	14.3	21.0	20.0	1.2	1.0	0.8	1.2	7.5	-20.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	125,896 (5.4)	1.4	7.6	6.2	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	1.8	-0.2	7.9	-15.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	408,259 (17.5)	0.0	7.6	7.4	18.8	21.3	17.3	1.4	1.2	1.8	6.3	15.6	-10.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	231,360 (9.9)	0.0	7.0	5.8	14.6	24.0	23.0	1.4	1.2	1.5	2.6	12.4	-1.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	66,390 (2.8)	4.2	7.4	6.1	23.3	22.9	22.3	1.5	1.2	2.1	-1.3	12.1	-14.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	321,938 (13.8)	14.0	12.3	8.1	26.5	11.5	15.5	1.3	1.1	1.0	1.8	12.3	-18.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	58,270 (2.5)	0.0	7.4	5.6	37.4	21.2	22.5	1.4	1.1	2.5	0.3	5.1	-29.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,888 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	-0.3	0.0	-2.0	-11.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	65,026 (2.8)	21.0	17.8	14.6	15.8	9.0	11.9	1.8	1.6	0.2	0.9	2.9	1.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,954 (0.4)	14.2	15.1	12.2	9.1	13.0	15.2	1.7	1.6	2.7	3.4	10.2	-29.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	492,509 (21.1)	55.4	9.7	9.3	-3.2	19.1	16.0	1.5	1.3	1.0	1.6	24.7	-47.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	245,085 (10.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.5	3.9	29.5	-31.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	226,443 (9.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.4	0.2	10.1	-37.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	494,606 (21.1)	27.2	9.9	8.4	36.3	25.7	24.3	2.3	1.8	1.5	2.0	22.4	-31.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	189,395 (8.1)	42.1	18.4	16.7	4.0	27.4	29.4	4.8	4.6	0.3	6.1	6.9	-9.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	32,332 (1.4)	36.9	26.8	22.7	7.3	20.9	21.9	5.0	4.5	0.3	-3.1	13.6	24.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	87,899 (3.8)	16.5	25.9	19.8	-51.9	17.4	18.5	4.1	3.6	0.8	0.7	3.9	-20.8
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	88,928 (3.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	3.0	4.1	-41.9	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,349 (3.1)	11.0	51.4	18.1	-88.5	8.5	19.9	-	-	-0.1	-0.5	-1.9	-3.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	60,801 (2.6)	10.8	18.7	15.6	-57.0	12.4	13.7	2.3	2.1	1.2	0.4	5.4	11.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	175,657 (7.5)	38.4	8.4	46.1	65.7	14.7	2.4	1.1	1.1	-0.8	2.0	30.9	-46.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	26,253 (1.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	0.0	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	246,143 (10.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.2	6.3	13.8	-37.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	52,010 (2.2)	3.6	70.9	19.1	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	-0.1	7.5	28.7	-34.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	98,486 (4.2)	0.0	12.8	11.6	-4.5	15.7	15.1	1.8	1.6	0.2	2.8	7.0	41.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtrệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	57,732 (2.5)	46.1	15.6	16.0	-17.5	25.1	22.5	3.8	3.4	-0.7	2.5	11.3	21.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,731 (1.2)	31.4	10.1	9.8	-10.5	18.2	16.8	1.6	1.5	-0.6	0.4	-0.8	-1.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,423 (0.1)	34.1	20.9	9.5	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	0.0	-1.1	1.1	-26.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	735,690 (31.5)	18.0	5.4	5.0	21.9	27.4	23.3	1.2	1.0	1.5	-1.2	8.9	-33.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	121,884 (5.2)	36.5	4.6	6.8	-0.5	38.3	22.1	1.5	1.4	6.9	7.8	16.1	2.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	133,565 (5.7)	46.5	6.3	9.1	-4.5	37.5	22.3	2.0	1.8	6.9	9.4	25.5	-3.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	227,834 (9.7)	38.9	5.2	6.6	67.9	20.7	13.4	0.9	0.8	2.6	3.8	24.4	-41.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,187 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	0.4	1.2	-38.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	56,839 (2.4)	4.6	21.7	15.9	-51.0	9.2	11.0	2.2	2.0	0.2	3.5	6.8	-18.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	161,639 (6.9)	39.9	95.4	20.4	-11.9	0.9	4.2	0.8	0.8	-1.4	10.5	42.2	-6.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	48,575 (2.1)	35.9	8.8	8.2	2.2	14.4	14.7	1.3	1.2	2.3	7.2	17.2	-7.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	197,933 (8.5)	0.0	16.5	13.9	14.4	25.6	25.3	3.3	2.6	2.4	6.0	8.1	0.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	64,832 (2.8)	0.0	16.1	14.0	2.4	25.3	22.5	3.2	2.7	-0.5	1.9	3.0	21.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,858 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-0.9	-2.6	-11.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	150,607 (6.4)	30.3	18.4	15.7	-75.2	28.4	25.9	4.6	3.6	0.9	4.3	16.5	33.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,773 (2.1)	34.6	9.8	13.3	41.2	30.4	148.1	2.5	2.0	0.0	4.7	5.5	-2.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	794 (0.0)	45.4	14.0	12.8	10.7	22.2	21.7	-	-	-0.4	1.6	2.0	-17.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	149,075 (6.4)	0.0	15.5	13.0	15.5	30.3	27.0	4.4	3.2	0.1	-2.3	1.1	11.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.